

Bài 51 ĐA DẠNG CỦA LỚP THÚ (tiếp theo)

CÁC BỘ MÓNG GUỐC VÀ BỘ LINH TRƯỞNG

I – MỤC TIÊU

– So sánh đặc điểm cấu tạo ngoài và tập tính các loài thú Móng guốc và giải thích sự thích nghi với sự di chuyển nhanh.

– So sánh đặc điểm cấu tạo ngoài và tập tính các loài thú thuộc bộ Linh trưởng và giải thích sự thích nghi với đời sống ở cây, có tứ chi thích nghi với sự cầm nắm, leo trèo.

– Nêu được vai trò của lớp Thú

– Nêu được đặc điểm chung của lớp Thú

II – CÁC THÔNG TIN BỔ SUNG

1. Tập tính nhai lại : Tập tính nhai lại thực hiện được nhờ có dạ dày có bốn túi của thú nhai lại (trâu, bò, hươu, nai...). Bốn túi của dạ dày thông với nhau : túi thứ nhất rất lớn là bầu cỏ, túi thứ hai là túi tổ ong có những nếp gấp hình mạng lưới ở mặt trong làm thành những ngăn có thành dày như lỗ tổ ong, túi thứ ba là lá sách có nhiều nếp gấp lớn như những trang sách mở và túi thứ tư là lá chần có nhiều tuyến tiêu hoá.

Khi ăn, cỏ được nhai nhệu nhạo cho thấm nước bọt rồi được nuốt xuống bầu cỏ. Ở bầu cỏ thức ăn đã được tẩm đầy nước bọt, được vi khuẩn trong dịch túi cỏ lên men. Thức ăn ở bầu cỏ được chuyển vào túi tổ ong. Khi thú nhai lại nghỉ ngơi, thức ăn được ựa lên miệng và được nhai lại (nhai lần hai) rất kĩ. Sau đó thức ăn lại được nuốt và đi xuống lá sách. Ở đó phần lớn chất dinh dưỡng ở thể lỏng được hấp thụ. Những thức ăn cứng rắn được chuyển vào lá chần, thành của lá chần có nhiều tuyến tiêu hoá và được tiêu hoá tiếp trước khi chuyển xuống ruột.

2. Sự di chuyển bằng cách leo trèo của khỉ, vượn : Cách leo cây, chuyển cành ở khỉ vượn thực chất là sự di chuyển bằng cách cầm nắm của tứ chi trong đó chi trước có tác dụng chính. Khỉ, vượn di chuyển bằng cách dùng hai chi trước dài, tuân tự bám vào cành cây, thân chúng treo lủng lẳng ứng với mỗi bước chuyển tay, đồng thời cơ thể vượn đánh người xoay một góc khoảng 180° . Khỉ chuyển cành khá nhanh, mỗi sải tay có thể lên tới 3m. Khi gặp nguy hiểm con vật có thể vung tay liên tiếp bám vào cành cây ở khá xa với nhịp điệu khẩn trương thoăn thoắt như "bay" vậy.

III – PHƯƠNG TIỆN THIẾT BỊ DẠY HỌC CẦN THIẾT

Tranh : Tranh các hình bài 51 SGK hoặc có liên quan.

Mô hình, mẫu vật : Mô hình, tê giác, ngựa, voi, lợn, hươu, khỉ, vượn, vượn hình người (đười ươi, tinh tinh, gôri-la).

Các phương tiện khác : Băng hình về thú Móng guốc và thú Linh trưởng, nếu có.

IV – GỢI Ý TIẾN TRÌNH TIẾT HỌC

1. Gợi ý lời giới thiệu

Tiếp theo các bộ thú đã học, bài học hôm nay sẽ tìm hiểu về thú Móng guốc như lợn, hươu, bò, tê giác ngựa voi... chúng có cơ thể, đặc biệt chân được cấu tạo, thích nghi với tập tính di chuyển rất nhanh. Còn thú Linh trưởng như khỉ, vượn lại có chân thích nghi với sự cầm nắm, leo trèo.

2. Các hoạt động

– *Hoạt động 1* : So sánh đặc điểm cấu tạo ngoài và tập tính của các loài thú Móng guốc và giải thích sự thích nghi với sự di chuyển nhanh

Cách thực hiện : HS tự đọc phần thông báo ở mục I - Các bộ Móng guốc, liên hệ với các hình 51.1→3 để hiểu thế nào là guốc và cấu tạo chân thú móng guốc thích nghi với sự chạy nhanh như thế nào. HS phân biệt thú Guốc chẵn thú Guốc lẻ và Voi, và điền bảng.

Đáp án bảng. **Cấu tạo, đời sống và tập tính một số đại diện thú Móng guốc**

Tên động vật	Số ngón chân () và số ngón phát triển	Chế độ ăn	Sừng	Lối sống
Lợn	Chẵn	Ăn tạp	Không có	Đàn
Hươu	Chẵn	Nhai lại	Có	Đàn
Ngựa	Lẻ (3 ngón) và 1 ngón	Không nhai lại	Không có	Đàn
Voi	Lẻ (5 ngón)	Không nhai lại	Không có	Đàn
Tê giác	Lẻ (3 ngón)	Không nhai lại	Có	Đơn độc

Đáp án chỉ ra rõ ràng đặc điểm cấu tạo, đời sống và tập tính của từng loài móng guốc.

Lưu ý : Voi : có vòi (vòi do mũi và môi trên kéo dài thành vòi cơ, có ngà (do hai răng cửa lớn phát triển thành), có 5 ngón có guốc tiếp xúc với đất, chân voi to hình trụ, cơ thể voi rất nặng, nên voi chạy chậm hơn các loài thú móng guốc khác.

– *Hoạt động 2* : **So sánh đặc điểm cấu tạo ngoài và tập tính của các loài thú trong bộ Linh trưởng và giải thích sự thích nghi với đời sống ở cây, có tư chi thích nghi với sự cầm nắm leo trèo.**

Cách thực hiện : HS tự đọc và phân tích sơ đồ : Tóm tắt một số đại diện của bộ Linh trưởng, kết hợp với hình 51.4 và tự đọc phần thông báo của mục II SGK, sau đó trả lời câu hỏi.

Câu 1 : Vượn khác khỉ : Vượn có chai móng nhỏ không có túi má và đuôi.

Câu 2 : Khỉ hình người khác với khỉ và vượn, khỉ hình người không có chai móng, túi má và đuôi.

– *Hoạt động 3* : **Vai trò của Thú.**

Cách thực hiện : GV chỉ định một HS đọc thông báo về mục III - Vai trò của Thú. GV có thể sử dụng bảng 51.1 SGK.

Đáp án bảng 51.1 (SGV). **Những mặt lợi ích của thú đối với con người**

STT	Những mặt lợi ích của thú	Ví dụ loài động vật
1	Thực phẩm	Lợn, trâu, bò
2	Dược liệu	Khỉ, hươu, hươu xạ ...
3	Sức kéo	Trâu, bò ...
4	Nguyên liệu phục vụ mỹ nghệ	Sừng trâu, bò, ngà voi ...
5	Vật liệu thí nghiệm	Khỉ, chó, thỏ, chuột ...

– Hoạt động 4 : **Đặc điểm chung của lớp Thú**

Cách thực hiện : GV có thể tham khảo bảng 51.2 SGK.

Đáp án bảng 51.2 SGK. **Đặc điểm chung của Thú**

Bộ lông	Bộ răng	Tuần hoàn				Sinh sản	Nuôi con	Nhiệt độ cơ thể
		Tim (số ngăn)	Máu trong tim	Máu nuôi cơ thể	Số vòng tuần hoàn			
Lông mao	Răng phân hoá thành răng cửa, răng nanh, răng hàm	4 ngăn	Nửa phải tim chứa máu đỏ thẫm. Nửa trái chứa máu đỏ tươi	Máu đỏ tươi	2 vòng	Thai sinh	Bằng sữa mẹ	Ổn định (Động vật hằng nhiệt)

Có thể đọc trên đáp án bảng 51.2 SGK những đặc điểm chung nhất của lớp Thú (lớp Có vú) theo từng cột dọc.

V – KẾT LUẬN

GV hướng dẫn cả lớp thảo luận, tóm tắt bài học bằng cách trả lời những câu hỏi sau :

1. Nêu những đặc điểm chân của thú Móng guốc thích nghi với sự chạy nhanh và chân của thú Linh trưởng thích nghi với sự cầm nắm và leo cây.
2. Thú Móng guốc và Linh trưởng ăn gì ? Lợi ích sống thành đàn của chúng.
3. Nêu đặc điểm chung của lớp Thú.

VI – ĐÁP ÁN CÂU HỎI CUỐI BÀI

Câu 1 : Có thể tham khảo phần ghi nhớ của bài và những thông tin ở mục I
Có thể tham khảo bảng ở mục I SGK.

Câu 2 : Có thể tham khảo sơ đồ của mục II.

Câu 3 : Có thể tham khảo mục III và gợi ý để các em huy động vốn hiểu biết của mình.

VII – TÀI LIỆU THAM KHẢO

Các tài liệu số : 4, 9, 10, 12, 13, 15, 16, 21 phần 2 SGV.